

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-12-2019

V/v: Ly hôn giữa chị Th và anh H

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Nguyễn Văn Kiệt

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Kim Th, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

**2. Bị đơn:** Anh Danh H, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng C

Địa chỉ: phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Anh T - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-5-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kim Th trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2007, chị Th và anh Danh H quen biết và tiến tới hôn nhân, nhưng đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29-01-2013.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình chị Th. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh H không lo làm ăn, khi chị Th đi làm thì anh H nghỉ ngơi, ghen tuông không có căn cứ, dùng lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị Th và còn đe dọa đâm chị Th. Bên cạnh đó, anh H còn nói xấu gia đình chị Th và gia đình anh H có kéo đến nhà chị Th hăm dọa đòi tạt axit chị Th. Chị Th đã nhiều lần bỏ qua lỗi lầm của anh H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H vẫn chứng nào tật nấy, không sửa đổi, vì con chị Th đã cố gắng chịu đựng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị Th đã mất lòng tin đối với anh H và không còn tình cảm với anh H, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Th yêu cầu được nuôi con chung tên Danh Hồng T, sinh ngày 14-5-2009, chị Th đồng ý giao con chung tên Danh Tuấn E, sinh ngày 24-10-2013 cho anh H nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th xác nhận anh H có vay của Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Kiên Giang số tiền là 10.000.000 đồng vào ngày 27-10-2011, hiện nay chị Th đã trả được 5.000.000 đồng cho Ngân hàng.

*- Bị đơn anh Danh H trình bày tại Tòa án:*

Anh H thống nhất với lời trình bày của chị Th về quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì chị Th trình bày không đúng, anh vẫn đi làm để nuôi vợ, nuôi con và anh không nói xấu gia đình bên vợ. Về việc chị Th đi làm về nhà cũng đúng giờ, chỉ có 01 lần đi ăn tiệc thì về khuya khoảng hơn 10 giờ đêm cho nên anh có nghi ngờ, ghen tuông và có lời lẽ xúc phạm chị Th. Anh H thừa nhận gia đình anh có đến nhà để hòa giải chứ không hăm dọa tạt axit chị Th như chị Th trình bày. Anh H xác nhận anh không có lỗi lầm gì, không nhậu nhẹt cờ bạc nhưng nhiều khi cũng nóng giận và có điện thoại cho chị gái chị Th hăm dọa hành hung chị Th nhưng anh chưa lần nào đánh vợ.

Nay chị Th xin ly hôn với anh thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, thương con, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho chị Th và anh ly hôn thì anh đồng ý giao con tên Danh Hồng T, sinh ngày 14-5-2009 cho chị Th nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng và anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Danh Tuấn E, sinh ngày 24-10-2013, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác nhận anh có vay của Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Kiên Giang số tiền là 10.000.000 đồng vào ngày 27-10-2011, anh thừa nhận số tiền

trên là nợ chung của anh chị và anh đồng ý trả 1/2 số tiền trên cho Ngân hàng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên anh xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

- Ông Trần Anh T - Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C trình bày:

Vào ngày 27-10-2011 Phòng giao dịch Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Kiên Giang có ký hợp đồng vay vốn theo khế ước số 6000005800034368, chương trình vay hộ dân tộc thiểu số nghèo đồng bằng sông Cửu Long theo QĐ 74 với anh Danh H, người thừa kế là vợ tên Nguyễn Kim Th, với số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 0%/năm, thời hạn cho vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng 27-10-2014. Theo đề nghị của anh Danh H, Phòng giao dịch Ngân hàng C phê duyệt cho gia hạn nợ đến hết ngày 15-4-2018, đến hạn nhưng anh H không trả được do khó khăn nên tiếp tục đề nghị cho khoan nợ và Ngân hàng phê duyệt cho khoan nợ đến ngày 08-10-2022.

Vào ngày 13-12-2019 chị Th đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 5.000.000 đồng. Đến ngày xét xử 17-12-2019 số tiền vay mà anh H và chị Th còn phải trả cho Ngân hàng là 5.000.000 đồng.

Nay Phòng giao dịch Ngân hàng C, tỉnh Kiên Giang yêu cầu buộc anh H và chị Th trả cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc còn lại là 5.000.000 đồng.

\* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Kim Th đối với bị đơn anh Danh H. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Th và anh H về việc nuôi con chung; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trả nợ chung giữa chị Th, anh H và đại diện Ngân hàng C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 20-5-2019 chị Nguyễn Kim Th có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Danh H. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Kim Th và anh Danh H chung sống với nhau vào năm 2007 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29-01-2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Kim Th:* Vợ chồng chị Nguyễn Kim Th và anh Danh H không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc,

giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của chị Th và anh H tại Tòa án: Chị Th và anh H có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh H hay nghi ngờ, ghen tuông không có căn cứ, dùng lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị Th và đe dọa hành hung chị Th. Mặt khác, theo trình bày của chị Th thì hiện nay chị đã mất lòng tin và không còn tình cảm với anh H, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị Th và anh H đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay mà tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Toà án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Th xin ly hôn với anh H là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị Th và anh H có 02 con chung tên Danh Hồng T, sinh ngày 14-5-2009 và Danh Tuấn E, sinh ngày 24-10-2013, hiện nay chị Th đang nuôi dưỡng. Chị Th và anh H thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Danh Hồng T, sinh ngày 14-5-2009 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu T) và giao con chung tên Danh Tuấn E, sinh ngày 24-10-2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th và anh H đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì anh chị có đủ điều kiện kinh tế nuôi con được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Th và anh H. Chị Th và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Th và anh H đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị Th và anh H có vay tiền của Ngân hàng C số tiền 10.000.000 đồng, anh H và chị Th mỗi người có trách nhiệm trả 5.000.000 đồng cho Ngân hàng, hiện nay chị Th đã trả xong phần chị Th là 5.000.000 đồng. Còn lại 5.000.000 đồng anh H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng; chị Th, anh H và đại diện Ngân hàng tự nguyện thỏa thuận là chị Th có trách nhiệm trả số tiền còn lại 5.000.000 đồng cho Ngân hàng vào ngày 20-12-2019, xét thấy nội dung thỏa thuận là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tại phiên Tòa Ngân hàng có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện độc lập đối với số tiền 5.000.000 đồng chị Th đã trả nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[7] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[8] *Về án phí*: Chị Th là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng C và chị Th, anh H thỏa thuận được với nhau về việc chị Th có trách nhiệm trả số tiền 5.000.000 đồng cho Ngân hàng C nên chị Th phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Ngân hàng C không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 147, 201, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Kim Th và anh Danh H.

**2.** Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Kim Th và anh Danh H về việc giao con chung tên Danh Hồng T, sinh ngày 14-5-2009 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Danh Tuấn E, sinh ngày 24-10-2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th và anh H không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Kim Th và anh Danh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung: Chị Nguyễn Kim Th và anh Danh H đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Th, anh H và đại diện Ngân hàng C về việc chị Th có trách nhiệm trả số tiền vay 5.000.000 đồng cho Ngân hàng vào ngày 20-12-2019.

Kể từ ngày Ngân hàng C có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Th không trả số tiền trên thì còn phải trả cho Ngân hàng khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng C đối với số tiền 5.000.000 đồng.

**5.** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Kim Th phải nộp 300.000 đồng nhưng chị Th được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009799 ngày 22-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Chị Th phải nộp 300.000 đồng.

Ngân hàng C không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

**6. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Tạ Thị Xuân**